BẢNG ĐIỂM LỚP ĐH KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH K16

HỌC PHẦN: SỨC BỀN VẬT LIỆU 2

STT	Họ và	tên	KT1	KT2	KT3	Chuyên cần	TBTX	Mã đề		Giua ky	Thi	TK
								Số liệu	Sơ đồ			
1	Lê Đình	Bảng	0	2	0		0.5	1	1			
2	Nguyễn Xuân	Chánh	0	0	3	8	2.75	2	1	3	4	3.4
3	Nguyễn Văn	Chiến	10	0	8	10	7	4	1	9	3.5	5.7
4	Uông Ngọc	Chiến					0	5	1			
5	Lê Xuân	Cường	0	0	3	10	3.25	6	1	8	3	4.1
6	Nguyễn Hữu	Dinh	0				0	7	1			
7	Lưu Thiện	Dũng	0	3	7	6	4	8	3	7	1	3.1
8	Nguyễn Văn	Dũng	0	0	2	10	3	9	3	8	3.5	4.3
9	Tào Mạnh	Dũng	0	10	3	7	5	10	3	8	5	5.6
10	Lê Trọng	Dương	3	0	3	10	4	11	3	7	3	4.1
11	Lê Tất	Đạt	0	3	0	5	2	1	3		1	1.1
12	Bùi Văn	Điệp	8	3	4	10	6.25	2	3	10	5.5	6.6
13	Phùng Đăng	Giang	0				0	4	4			
14	Nguyễn Hữu	Giang	1	8	3	10	5.5	5	4	6	6.5	6.1
15	Vũ Trọng	Giang	0	4	3	10	4.25	6	4	8	4.5	5.1
16	Trịnh Đức	Hải	1	0	0	6	1.75	7	4		0	0.5
17	Nguyễn Văn	Hiệp	0	0	0	4	1	8	4			
18	Vũ Ngọc	Hoàng	5	0	0	9	3.5	9	5	7	2.5	3.7
19	Nguyễn Huy	Hoàng	0	7	0	9	4	10	5	6	1.5	3.2
20	Nguyễn Mạnh	Hoàng	0	1	2	9	3	11	5	7	4.5	4.6
21	Nguyễn Ngọc	Huy	0	0			0	1	5			
22	Lương Trọng	Hưng	3	0	2	8	3.25	2	5	7	2	3.4
23	Lê Đăng	Lanh	0	6	0	6	3	3	5	6	4	4.1
24	Lê Thị	Liên	1	0	0	10	2.75	4	6	4	0	1.6
25	Lê Đình	Linh	0	0	0	6	1.5	5	6			
26	Lê Văn	Linh	0	0	0	7	1.75	6	6	8		
27	Vũ Đình	Long	0	6	5	9	5	7	6	4	1	2.8
28	Kiều Ngọc	Lý	0	0	0	2	0.5	8	6	3		
29	Lê Trọng	Mạnh	2	0	2	4	2	9	6	5	1	2.1
30	Lê Xuân	Minh	0				0	11	7			
31	Đỗ Văn	Minh	2	8	0	6	4	10	7	6	3.5	4.2
32	Trần Bá Nhật	Minh	5	0	3	10	4.5	1	7	6	3	4.1
33	Mai Giang	Nam	0	0		2	0.5	2	7	5	0	
34	Dương Mạnh	Nam	1	2	2	8	3.25	3	7	6	4.5	4.4
35	Nguyễn Vũ Tú	Nam	0	0		3	0.75	4	7			
36	Đăng Đức	Ngọc	0	0	0	8	2	5	8	5		
37	Nguyễn Thị Hồng	Nguyên	8	0	10	10	7	6	8	10	3	5.6
38	Nguyễn Hoàng	Nhật	0	0	3	3	1.5	7	8	4	0.5	1.5
39	Trương Quốc	Phương	0	0	0	8	2	8	8	3		
40	Lại Ngọc	Quang	1	0	0	8	2.25	9	8	6	2.5	3.1
41	Lưu Đức	Quang	0	0			0	10	8			0
42	Trịnh Vinh	Quang	1	0		7	2	11	9			0.6
43	Phạm Văn	Sâm	0	3		2	1.25	1	9		0	0.4
44	Dương Đình	Sơn	0	0			0	2	9			0
45	Lê Đức	Tâm					0	3	9			0
46	Lê Quang	Thái	1	0	0	7	2	4	9	6	2	2.8
47	Nguyễn Duy	Thái	0	0	0	8	2	5	9	8		2.2

STT	Họ và	tên	KT1	KT2	KT3	Chuyên cần	TBTX	Mã đề		Giua ky	Thi	TK
48	Lê Xuân	Thành	0	0		6	1.5	6	10			0.5
49	Lê Quang	Thắng	3	0	0	10	3.25	7	10	4	3	3.3
50	Nguyễn Tiến	Thiện	3	0	3	10	4	8	10	8	3.5	4.6
51	Trần Văn	Thiện	0	0	5	8	3.25	9	10	5	1	2.5
52	Nguyễn Đình	Thiệp	1	3	0	8	3	10	10		0	0.9
53	Nguyễn Huy	Thông	1	0	3	6	2.5	11	10	4	0	1.6
54	Nguyễn Thị Huyề	Trang	8	8	6	10	8	1	11	10	2.5	5.7
55	Nguyễn Minh	Trí	0			2	0.5	2	11			0.2
56	Lê Văn	Trường	0	3		9	3	3	11		0.5	1.2
57	Nguyễn Anh	Tuấn	0	0	7	10	4.25	4	11	6	3	4
58	Phạm Văn	Tuấn	9	0	4	10	5.75	5	11	10	0.5	4
59	Tào Minh	Tuấn	0	4	0	8	3	6	11	4	2.5	3
60	Trần Quốc	Tuấn	3	0		6	2.25	7	12		2.5	1.9
61	Nguyễn Tất	Tùng	0	0	0	7	1.75	8	12	3		1.1
62	Nguyễn Tiến	Tư	0	4	2	5	2.75	9	12	4	2.5	2.9
63	Trần Quốc	Việt	0				0	10	12			0
64	Lường Viết	Vũ	3	6	3	10	5.5	11	12	6	4.5	5.1
65	Lê Văn	Xuyến	2	10	3	10	6.25	1	12	7	5	5.8

Ghi chú:
Vắng, không nộp bài
Cấm thi, trượt